

Số: 468 /HD-CDCT

Hà Nội, ngày 22 tháng 10 năm 2026

HƯỚNG DẪN

Đánh giá định kỳ hàng tháng, quý, năm đối với cán bộ, công chức, người lao động tại Cơ quan Công đoàn Công Thương Việt Nam

Thực hiện Hướng dẫn số 02-HD/BTCTW ngày 22/5/2026 của Ban Tổ chức Trung ương về một số nội dung về việc đánh giá định kỳ hàng quý đối với cán bộ lãnh đạo quản lý các cấp trong hệ thống chính trị; Công văn số 691-CV/ĐUMTTQ, CĐTTW ngày 28/5/2026 của Đảng ủy Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể Trung ương và Hướng dẫn số 02-HD/ĐUTLĐ ngày 22/8/2026 của Đảng ủy Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, Công đoàn Công Thương Việt Nam (CĐCTVN) hướng dẫn, cụ thể hóa một số nội dung đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ định kỳ hàng tháng, quý, năm đối với cán bộ, công chức, người lao động tại Cơ quan CĐCTVN như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Đánh giá thường xuyên, liên tục, thực chất; lấy kết quả, sản phẩm đầu ra, hiệu quả thực tiễn và trách nhiệm cá nhân, nhất là người đứng đầu làm thước đo chủ yếu; từng bước đưa công tác đánh giá cán bộ từ khâu khó, khâu yếu trở thành khâu trọng yếu trong công tác cán bộ.

- Kết quả đánh giá hàng tháng được theo dõi, cập nhật, tích lũy làm căn cứ quan trọng cho việc đánh giá, xếp loại chất lượng cuối năm và phục vụ công tác quy hoạch, đào tạo, bố trí, sử dụng, khen thưởng, chấn chỉnh, sàng lọc và thay thế cán bộ.

- Khuyến khích cán bộ đổi mới, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung; kịp thời nhận diện hạn chế, ách tắc và trách nhiệm trong tổ chức thực hiện nhiệm vụ công đoàn.

2. Yêu cầu

- Kết hợp hài hoà giữa đánh giá định tính và định lượng, trong đó coi trọng chỉ tiêu có thể kiểm đếm, tiến độ, chất lượng sản phẩm và mức độ tác động; bảo đảm theo yêu cầu “sáu rõ: rõ người, rõ việc, rõ thời gian, rõ trách nhiệm, rõ sản phẩm, rõ thẩm quyền” và “một việc - một đầu mối chịu trách nhiệm chính”.

- Bám sát chức năng, nhiệm vụ, chương trình công tác năm và nhiệm vụ phát sinh; phù hợp từng nhóm cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp, công đoàn ngành trung ương và công đoàn tổng công ty trực thuộc Tổng Liên đoàn.

- Không làm phát sinh thủ tục không cần thiết; ưu tiên hồ sơ, dữ liệu và tài liệu minh chứng sẵn có; chống hình thức, cảm tính, nể nang, né tránh, cào bằng.

II. ĐỐI TƯỢNG, NGUYÊN TẮC

1. Đối tượng

Là toàn thể cán bộ, công chức, người lao động tại Cơ quan CDCTVN

2. Nguyên tắc

- Thực hiện nghiêm nguyên tắc tập trung dân chủ, tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách, trên tinh thần xây dựng, giữ vững sự đoàn kết, thống nhất, đúng thẩm quyền, trách nhiệm, bảo đảm khách quan, công tâm, công khai, minh bạch; đề cao trách nhiệm của cấp ủy, tập thể lãnh đạo, quản lý, nhất là người đứng đầu trong đánh giá cán bộ.

- Cấp trực tiếp sử dụng và phân công nhiệm vụ nhận xét, đánh giá, đề xuất; cấp có thẩm quyền quản lý cán bộ quyết định, phê duyệt.

- Đánh giá cá nhân gắn với kết quả của tập thể, lĩnh vực phụ trách và trách nhiệm trực tiếp, liên đới; không dùng kết quả tập thể để thay thế đánh giá sản phẩm cá nhân.

- Bảo đảm tính liên kết, xuyên suốt, liên tục giữa đánh giá hằng tháng với đánh giá, xếp loại hằng quý, cuối năm và được thể hiện bằng hiệu quả thực chất của sản phẩm cuối cùng. Chỉ xem xét xếp loại “Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ” đối với cá nhân có kết quả thực hiện nhiệm vụ nổi trội, có sản phẩm chất lượng, hiệu quả cao, vượt mức yêu cầu; bảo đảm tỷ lệ theo quy định của cấp có thẩm quyền.

III. TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN CHỨC TRÁCH NHIỆM VỤ VÀ THANG ĐIỂM ĐÁNH GIÁ

1. Tiêu chí đánh giá thực hiện trách nhiệm vụ

- Tiêu chí đánh giá phải được cụ thể hóa, bảo đảm thống nhất, liên thông theo tiêu chí đánh giá hằng năm đã được quy định tại Quy định 366-QĐ/TW ngày 30/8/2025 của Bộ Chính trị, Hướng dẫn 43 HD/BTCTW ngày 31/10/2025 của Ban Tổ chức Trung ương, Hướng dẫn 02-HD/BTCTW ngày 22/5/2026 của Ban Tổ chức Trung ương và Hướng dẫn số 02-HD/ĐUTLĐ ngày 22/8/2026 của Đảng ủy Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam; đồng thời, bám sát các chỉ tiêu, nhiệm vụ theo Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng, Nghị quyết Đại hội XIV Công đoàn Việt Nam và Nghị quyết Đại hội V CDCTVN.

- Từng ban và từng cá nhân căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao và đặc thù vị trí công tác để xác định và cụ thể hóa nội dung các kết quả thực hiện bảo đảm phù hợp, sát thực tiễn, cụ thể:

- + Chương trình công tác năm, quý, tháng;
- + Kế hoạch công tác của Ban, của Cơ quan;
- + Nhiệm vụ do Thường trực Thường vụ, Ban Thường vụ giao;
- + Nhiệm vụ đột xuất phát sinh;

+ Phiếu đăng ký nhiệm vụ tháng của cá nhân.

2. Thang điểm đánh giá

Cơ cấu thang điểm đối với cá nhân được xác định theo Quy định số 366-QĐ/TW với tổng số điểm là 100 điểm, trong đó:

- Điểm tiêu chí chung chiếm 30% tổng điểm, tối đa là 30 điểm, cụ thể:

+ Về phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống, thực hiện trách nhiệm nêu gương: 18 điểm.

+ Tư duy đổi mới, chiến lược, khát vọng công hiến, dám nghĩ, dám làm: 04 điểm

+ Về tự phê bình và phê bình, tự soi, tự sửa, khắc phục hạn chế, khuyết điểm: 08 điểm.

- Điểm kết quả thực hiện nhiệm vụ là 70 điểm

3. Nội dung đánh giá

- Khối lượng công việc hoàn thành;

- Chất lượng sản phẩm tham mưu;

- Tiến độ thực hiện;

- Hiệu quả, trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ.

IV. QUY TRÌNH ĐÁNH GIÁ, PHƯƠNG PHÁP CHẤM ĐIỂM

1. Xây dựng Danh mục các sản phẩm/công việc chuẩn và hệ số quy đổi sản phẩm/công việc

a) Xác định danh mục các sản phẩm/công việc chuẩn và hệ số quy đổi sản phẩm/công việc của ban, cơ quan

Yêu cầu các sản phẩm/công việc phải rõ ràng, có thể kiểm đếm được về số lượng, chất lượng, tiến độ thực hiện. Hệ số quy đổi sản phẩm/công việc đảm bảo áp dụng thống nhất trong ban, cơ quan, xác định như sau:

- Mức 1: Công việc thường xuyên, chuẩn hóa: Hệ số quy đổi 1,0.

Tính chất: Công việc mang tính thường xuyên, lặp đi lặp lại, đã có quy trình sẵn, không khó hay phức tạp

- Mức 2: Công việc có tính mới hoặc phạm vi rộng hơn: Hệ số quy đổi 1,5.

Tính chất: Công việc xuất hiện yếu tố mới (cải tiến, thử nghiệm) hoặc đòi hỏi phối hợp giữa các ban, đơn vị, nhưng mức độ xử lý không quá khó hoặc phức tạp.

- Mức 3: Công việc khó, phức tạp, tác động rộng: Hệ số quy đổi 2,0.

Tính chất: Công việc đòi hỏi chuyên môn cao, giải quyết các vấn đề phức tạp, phát sinh nhiều vướng mắc và kết quả có tác động sâu rộng trong tổ chức.

- Các sản phẩm/công việc phát sinh phải được cập nhật ngay khi giao.

2. Xây dựng kế hoạch, đánh giá công việc.

2.1. Xây dựng kế hoạch công tác năm

- Trước ngày 05 tháng 10 hàng năm, các CBCCNLD tự xây dựng kế hoạch công tác năm tiếp theo báo cáo trưởng ban;

- Trước ngày 15 tháng 10, các Ban xây dựng kế hoạch công tác năm tiếp theo của Ban, báo cáo Thường trực phụ trách, chuyển Ban Công tác Công đoàn tổng hợp, trình Thường trực phê duyệt, giao kế hoạch công tác năm.

2.2. Xây dựng kế hoạch công tác tháng

- Từ ngày 25-27 hàng tháng: các CBCCNLD căn cứ Kế hoạch công tác năm đã được phê duyệt; các công việc được giao bổ sung trong tháng để xây dựng kế hoạch công tác tháng tiếp theo của cá nhân, gồm:

- + Nhiệm vụ thường xuyên;
- + Nhiệm vụ trọng tâm;
- + Nhiệm vụ đột xuất dự kiến (nếu có).

Mỗi nhiệm vụ phải xác định cấp trình; độ khó, mới, phức tạp, phạm vi tác động; sản phẩm; số lượng, tiến độ và hệ số quy đổi, vai trò chủ trì/phối hợp (Theo phụ lục số 1B).

- Từ ngày 28-30 hàng tháng: Lãnh đạo ban xây dựng dự thảo kế hoạch công tác của Ban tháng tiếp theo, báo cáo Thường trực thường vụ CĐCTVN tại cuộc họp giao ban đầu tháng.

- Trên cơ sở kết luận của Thường trực Thường vụ CĐCTVN tại cuộc họp giao ban đầu tháng về phê duyệt kế hoạch công tác tháng của từng ban, Trưởng các Ban có trách nhiệm thực hiện phân giao chính thức công việc cho các thành viên trong Ban bằng văn bản.

- Trong quá trình triển khai thực hiện nhiệm vụ, đối với những nhiệm vụ đột xuất, nhiệm vụ phát sinh được bổ sung trong tháng bằng văn bản, bút phê của lãnh đạo trên văn bản hoặc giao việc trên hệ thống.

3. Quy trình đánh giá hiệu quả công việc (KPI):

- **Bước 1.** Từ ngày 01-03 hàng tháng: Các Phó ban, chuyên viên, nhân viên tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, chấm điểm KPI theo từng tiêu chí và đề xuất mức xếp loại. Hồ sơ tự đánh giá gồm: Phiếu đánh giá KPI, báo cáo kết quả công việc.

- **Bước 2.** Từ 03-05 hàng tháng: Lãnh đạo các Ban có trách nhiệm xem xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, chất lượng sản phẩm, tiến độ hoàn thành và tinh thần trách nhiệm phối hợp công tác của từng cán bộ trong Ban. Đề xuất điểm KPI và mức xếp loại của toàn thể cán bộ trong Ban. Trường hợp một cá nhân đảm nhận một hoặc một số công việc không do Lãnh đạo ban phụ trách, thì sẽ do Thường trực phụ trách công việc đó đánh giá.

- **Bước 3.** Bộ phận Tổ chức thuộc Ban Quan hệ Lao động có trách nhiệm tổng hợp, báo cáo Thường trực Thường vụ, Thủ trưởng Cơ quan CĐCTVN.

- **Bước 4.** Thủ trưởng Cơ quan xem xét, quyết định kết quả đánh giá cuối cùng đối với CBCCLĐ tại Cơ quan CĐCTVN.

- **Bước 5.**

+ Thông báo công khai kết quả đánh giá.

+ Công chức có quyền giải trình trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận kết quả.

+ Sau thời hạn trên, kết quả được sử dụng làm căn cứ đánh giá, xếp loại công chức cuối năm và phục vụ công tác cán bộ khi có yêu cầu.

4. Chấm điểm KPI

4.1. Công thức tính trên thang điểm 100

Tổng điểm = Điểm tiêu chí chung + Điểm kết quả thực hiện nhiệm vụ

Trong đó:

- Điểm tiêu chí chung tối đa là 30 điểm

- Điểm kết quả thực hiện nhiệm vụ là 70 điểm

4.2. Công thức tính điểm kết quả thực hiện nhiệm vụ theo chỉ số KPI

- Điểm KPI của chuyên viên, NLĐ = $(A + B + C)/3$

- Điểm KPI của lãnh đạo Cơ quan, Ban = $(A + B + C + D)/4$

Trong đó:

+ A: Số lượng sản phẩm công việc

+ B: Chất lượng sản phẩm

+ C: Tiến độ hoàn thành

+ D: Năng lực lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành, tổ chức thực hiện nhiệm vụ trong phạm vi mình phụ trách

4.3. Điểm kết quả thực hiện nhiệm vụ = Tổng điểm KPI theo từng trực (A, B, C, D) x điểm tối đa của từng trực kết quả

5. Quy đổi mức độ hoàn thành

5.1. Hệ số quy đổi về mức độ khó của từng công việc

(Có bảng xác định trọng số công việc gửi kèm theo)

5.2. Hệ số quy đổi về chất lượng công việc

Mức độ	Hệ số
- Chất lượng đạt từ tốt trở lên (không phải sửa)	100%
- Chất lượng đạt khá (phải sửa đổi 1-2 lần)	80%

Mức độ	Hệ số
- Chất lượng đạt trung bình (sửa nhiều lần)	50%
- Không đảm bảo chất lượng	0%

5.3. Hệ số quy đổi về tiến độ và lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành

Mức độ	Hệ số
- Hoàn thành vượt mức, đúng tiến độ	100%
- Chậm tiến độ dưới 5 ngày	80%
- Chậm tiến độ dưới từ 6 - 10 ngày	50%
- Chậm tiến độ trên 10 ngày	20%
- Bị nhắc nhở bằng văn bản	0%

6. Xếp loại chất lượng

Việc thực hiện xếp loại chất lượng cán bộ, công chức và người lao động tại Cơ quan CDCTVN được thực hiện theo Điều 11 tại Quy định 366 -QĐ/TW ngày 30/8/2025 của Bộ Chính trị về việc kiểm điểm về đánh giá, xếp loại chất lượng đối với tập thể, cá nhân trong hệ thống chính trị, cụ thể:

- Từ 90 điểm trở lên: Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ (trong đó phải hoàn thành 100% nhiệm vụ và có ít nhất 30% nhiệm vụ vượt mức yêu cầu).
- Từ 70 - dưới 90 điểm: Hoàn thành tốt nhiệm vụ
- Từ 50 - dưới 70 điểm: Hoàn thành nhiệm vụ
- Hoàn thành dưới 70% nhiệm vụ được giao: Không hoàn thành nhiệm vụ (trừ trường hợp vì lý do khách quan, bất khả kháng được cấp có thẩm quyền xác nhận, nêu rõ lý do).

7. Về sử dụng kết quả xếp loại hằng tháng, quý để xếp loại cuối năm

- Trường hợp cá nhân có 01 tháng trong năm xếp loại “Không hoàn thành nhiệm vụ” thì không xếp loại “Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ” cả quý và cả năm.

- Việc xem xét, quyết định xếp loại chất lượng cuối năm được căn cứ theo kết quả đánh giá, xếp loại của từng quý trong năm và kết quả thực hiện nhiệm vụ Quý IV trong năm đó. Trường hợp nhiều cá nhân có đủ điều kiện xem xét xếp loại “Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ” cuối năm thì ưu tiên lựa chọn cá nhân có số tháng, quý được đề xuất xếp loại “Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ” nhiều hơn.

- Tỷ lệ cá nhân xếp loại “Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ” hằng quý thực hiện theo quy định của Bộ Chính trị: không vượt quá 20% của tổng số được xếp loại “Hoàn thành tốt nhiệm vụ”, trường hợp đơn vị có thành tích xuất sắc, nổi trội, tạo sự chuyển biến tích cực, hoàn thành vượt kế hoạch các công việc được giao... thì không vượt quá 25%; Mức xếp loại của người đứng đầu gắn với kết quả thực hiện nhiệm vụ của các tập thể, cơ quan, đơn vị và không tính vào tỷ lệ xếp loại “Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ” của các thành viên khác trong cấp uỷ, tập thể lãnh đạo cơ

quan, đơn vị; đồng thời, được thực hiện nguyên tắc làm tròn từ 0,5 trở lên làm tròn lên 1.

- Kết quả đánh giá xếp loại hàng tháng, quý, năm sẽ là căn cứ để xét thi đua, khen thưởng; xem xét quy hoạch, đào tạo, bổ nhiệm cán bộ; xác định trách nhiệm của cá nhân trong thực thi công vụ; là cơ sở để xem xét trong việc thưởng đối với cán bộ, công chức, viên chức theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ.

- Thực hiện ngay việc thay thế những cán bộ có kết quả đánh giá, xếp loại “Không hoàn thành nhiệm vụ” từ 02 quý liên tiếp trở lên.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Đối với CBCCNLD Cơ quan: Có trách nhiệm xây dựng kế hoạch công tác và triển khai thực hiện nhiệm theo phân công; thực hiện việc tự đánh giá kết quả công việc, chấm điểm KPI theo quy định.

2. Đối với các Trưởng ban, Phó trưởng ban có trách nhiệm phân công nhiệm vụ đối với các thành viên trong Ban theo vị trí việc làm; thực hiện việc đánh giá các thành viên trong Ban đảm bảo tính khách quan, dân chủ, minh bạch và chịu trách nhiệm về kết quả đánh giá.

3. Bộ phận tổ chức cán bộ Ban Quan hệ lao động có trách nhiệm hướng dẫn, tham mưu về triển khai thực hiện việc đánh giá, xếp loại CBCCNLD, tổng hợp kết quả báo cáo Thường trực Thường vụ, Thủ trưởng Cơ quan theo quy định.

4. Thường trực Thường vụ, Thủ trưởng Cơ quan có trách nhiệm chỉ đạo, lãnh đạo triển khai thực hiện đánh giá CBCCNLD định kỳ hàng tháng, quý, năm; chịu trách nhiệm toàn diện trong công tác chỉ đạo, điều hành và kết quả đánh giá CBCCNLD tại Cơ quan.

Trên đây là Hướng dẫn thực hiện một số nội dung đánh giá định kỳ hàng tháng, quý, năm đối với cán bộ, công chức, người lao động tại Cơ quan CĐCTVN. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các đơn vị phản ánh về Ban Quan hệ lao động để tổng hợp, báo cáo Thường trực Thường vụ xem xét, quyết định sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

Nơi nhận:

- Ban Thường vụ (để báo cáo);
- CBCCNLD Cơ quan CĐCTVN;
- Các Ban CĐCTVN;
- Lưu VT, QHLD. *m*

**TM. BAN THƯỜNG VỤ
CHỦ TỊCH**



Lê An Hải

BẢNG XÁC ĐỊNH TRỌNG SỐ CÔNG VIỆC

STT	NỘI DUNG
	Trọng số 4
1	Chủ trì, xây dựng và ban hành đề án cấp Tổng Liên đoàn, CĐCTVN
2	Chủ trì xây dựng dự thảo Nghị quyết chuyên đề, Chương trình hành động, Quy chế, Quy định của CĐCTVN mang tính dài hạn, được ban hành
3	Nghiên cứu, đề xuất các cơ chế, giải pháp quản lý, hoạt động mang tính đổi mới, sáng tạo được Ban Thường vụ CĐCTVN phê duyệt áp dụng
4	Việc có trọng số 3 nhưng yêu cầu gấp về thời gian thực hiện, báo cáo và phát sinh ngoài kế hoạch đã được phê duyệt
5	Các công việc đặc biệt quan trọng khác do Trưởng ban quyết định sau khi xin ý kiến của Chủ tịch hoặc Thường trực Thường vụ CĐCTVN
	Trọng số 3
1	Tham gia nghiên cứu và đóng góp ý kiến vào những công việc có trọng số 4 (<i>Có ý kiến cụ thể và cơ sở lý luận phân tích sâu về ý kiến</i>)
2	Chủ trì xây dựng kế hoạch, hướng dẫn, văn bản triển khai hoạt động và thực hiện hàng năm có tính phức tạp, đòi hỏi tư duy, sáng tạo cao
3	Chủ trì, chuẩn bị hồ sơ, tài liệu và nội dung làm việc cùng các đoàn thanh tra, kiểm tra, giám sát
4	Dự thảo các báo cáo định kỳ năm theo quy định. Báo cáo sơ kết, tổng kết giai đoạn 05 năm, 10 năm
5	Các công việc thuộc Trọng số 2 nhưng yêu cầu gấp về thời gian hoặc phát sinh ngoài kế hoạch đã được phê duyệt
6	Các công việc khác do Trưởng ban quyết định sau khi xin ý kiến của Chủ tịch, Phó Chủ tịch phụ trách
	Trọng số 2
1	Tham gia nghiên cứu và đóng góp ý kiến vào những công việc có trọng số 3 (<i>Có ý kiến cụ thể và cơ sở lý luận phân tích sâu về ý kiến</i>)
2	Thực hiện các công việc theo chức năng nhiệm vụ ban nhưng yêu cầu về tiến độ

3	Nghiên cứu, đề xuất các ý kiến tham gia vào các chủ trương, chương trình và văn bản quy phạm pháp luật của Nhà nước, Bộ Công Thương và Tổng Liên đoàn ...
4	Các công việc thuộc Trọng số 1 nhưng yêu cầu gấp về thời gian và phát sinh ngoài kế hoạch đã được phê duyệt.
5	Các công việc khác do Trưởng ban quyết định
	Trọng số 1
1	Tham gia nghiên cứu và đóng góp ý kiến vào những công việc có Trọng số 2 (<i>Có ý kiến cụ thể và cơ sở lý luận phân tích sâu về ý kiến</i>)
2	Thực hiện các công việc có tính đơn giản, theo khuôn mẫu có sẵn, không yêu cầu gấp về thời gian
3	Tham gia các chương trình, đoàn công tác với vai trò phối hợp
4	Công tác nội vụ Ban
5	Các công việc khác do Trưởng ban quyết định

DANH MỤC SẢN PHẨM CÔNG VIỆC

Họ và tên:

Chức vụ Đảng:

Chức vụ chính quyền:

Đơn vị công tác: Công đoàn Công Thương Việt Nam

TT	Nhiệm vụ theo Quý	Cấp trình	Độ khó, mới, phức tạp; phạm vi tác động	Sản phẩm	Số lượng	Tiến độ	Ghi chú	Điểm chấm công việc	Hệ số quy đổi
1									
2									
3									
4									
5									
6									
7									
8									

XÁC NHẬN CỦA LÃNH ĐẠO

NGƯỜI THỰC HIỆN

BẢNG TÍNH ĐIỂM KPI

Họ và tên:
Chức vụ Đảng:
Chức vụ chính quyền:
Chức vụ đoàn thể:
Đơn vị công tác: Công đoàn Công Thương Việt Nam
Quý 03 , Năm 2026

Ngày sinh:

TT	NHIỆM VỤ ĐỀ RA KẾ HOẠCH						THỰC TẾ TRIỂN KHAI							
	Nhiệm vụ	Sản phẩm	Số lượng	Tiến độ	Hệ số quy đổi	Số lượng quy đổi	KPI (Số lượng)		KPI (Chất lượng)		KPI (Tiến độ)		Lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành	
							Thực tế hoàn thành	Quy đổi	Thực tế hoàn thành	Quy đổi	Thực tế hoàn thành	Quy đổi	Thực tế hoàn thành	Quy đổi
1														
2														
3														
4														
5														
	Tổng					0		0		0		0		0
	Điểm KPI từng nội dung:													

KPI chung:

XÁC NHẬN CỦA ĐẢNG BỘ CƠ QUAN

XÁC NHẬN CỦA CHI BỘ

CÁ NHÂN TỰ ĐÁNH GIÁ
(Ký, ghi rõ họ tên)

BẢN TỰ ĐÁNH GIÁ, XẾP LOẠI CỦA CÁ NHÂN

Họ và tên:

Ngày sinh:

Chức vụ Đảng:

Chức vụ chính quyền:

Chức vụ đoàn thể:

Đơn vị công tác: Công đoàn Công Thương Việt Nam

Quý 03/2026

I. Tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

Trên cơ sở nhiệm vụ được giao, cá nhân tự đánh giá về kết quả thực hiện nhiệm vụ theo quý như sau:

A. NHÓM TIÊU CHÍ CHUNG (30 ĐIỂM) - Các tiêu chí thực hiện theo Quy định số 366-QĐ/TW của Bộ Chính trị						
TT	Tiêu chí / Nội dung	Đảm bảo (Đánh dấu x)	Không đảm bảo (Đánh dấu x)	Điểm tối đa	Điểm đạt	Ghi chú
1	Về phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống, thực hiện trách nhiệm nêu gương					
1.1	Tuyệt đối trung thành với Đảng, Tổ quốc và Nhân dân; kiên định chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Có lập trường, quan điểm, bản lĩnh chính trị vững vàng; kiên quyết bảo vệ nền tảng tư tưởng, Cương lĩnh chính trị, đường lối của Đảng, Hiến pháp, pháp luật của Nhà nước; đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch, các biểu hiện suy thoái, tự diễn biến, tự chuyển					
1.2	Có tinh thần yêu nước sâu sắc, tận tụy phục vụ Nhân dân, sâu sát cơ sở, luôn hành động vì lợi ích của Nhân dân. Đặt lợi ích của Đảng, quốc gia - dân tộc, Nhân dân, tập thể lên trên lợi ích cá nhân, sẵn sàng hy sinh vì sự nghiệp cách mạng của Đảng, vì độc lập, tự do của Tổ quốc, vì hạnh phúc của Nhân dân.					
1.3	Chấp hành nghiêm chủ trương, đường lối, nghị quyết, chỉ thị, quy định, nguyên tắc tổ chức, kỷ luật của Đảng, nhất là nguyên tắc tập trung dân chủ, tự phê bình và phê bình; chấp hành nghiêm pháp luật của Nhà nước và quy định của cơ quan, đơn vị. Tuyệt đối chấp hành sự phân công của tổ chức, yên tâm công tác và hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao.					

1.4	Có tinh thần tự giác, trách nhiệm cao trong nghiên cứu, học tập chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, các nghị quyết, chỉ thị của Đảng và các chương trình bồi dưỡng, cập nhật kiến thức mới nhằm nâng cao trình độ về mọi mặt, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ.					
1.5	Có phẩm chất đạo đức, lối sống trong sáng, trung thực, khiêm tốn, chân thành, giản dị; cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư; chấp hành nghiêm quy định về chuẩn mực đạo đức cách mạng của cán bộ, đảng viên trong giai đoạn mới, trách nhiệm nêu gương; không vi phạm Quy định về những điều đảng viên không được làm. Không né tránh công việc, chạy theo thành tích; không vi phạm đạo đức, lối sống đến mức bị xử lý kỷ luật.					
1.6	Không tham vọng quyền lực; không chạy chức, chạy quyền; không tham nhũng, lãng phí, cơ hội, vụ lợi, cục bộ, lợi ích nhóm; không để gia đình, người thân và người khác lợi dụng chức vụ, vị trí công tác để trục lợi. Không có biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện tự diễn biến, tự chuyển hoá trong nội bộ. Kiên quyết đấu tranh chống quan liêu, cửa quyền, tham nhũng, xa hoa, lãng phí, tiêu cực, chủ nghĩa cá nhân, lối sống cơ hội, thực dụng, bè phái, lợi ích nhóm, nói không đi đôi với làm.					
1.7	Có uy tín cao, tiêu biểu về phẩm chất đạo đức và phong cách công tác; là trung tâm đoàn kết, thương yêu đồng chí, đồng nghiệp.	x		2	2	
1.8	Có tinh thần chủ động, đổi mới sáng tạo; phấn đấu vì mục tiêu phát triển của cơ quan, đơn vị, đóng góp vào mục tiêu chung của đất nước.	x		2	2	
1.9	Thực hiện việc kê khai và công khai tài sản, thu nhập theo quy định. Báo cáo đầy đủ, trung thực, cung cấp thông tin chính xác, khách quan về những nội dung liên quan đến việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao và hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị với cấp trên khi được yêu	x		2	2	
2	Tư duy đổi mới, tầm nhìn chiến lược, khát vọng công hiến, dám nghĩ dám làm			4		
2.1	Có tư duy đổi mới, tầm nhìn chiến lược, khả năng lãnh đạo, chỉ đạo thích ứng với sự phát triển của thời đại và xu thế toàn cầu hoá; phương pháp làm việc khoa học, nhạy bén chính trị; có năng lực cụ thể hoá trong lãnh đạo, chỉ đạo cơ quan, đơn vị thực hiện và hoàn thành tốt chức năng, nhiệm vụ được giao.					
2.2	Luôn bám sát thực tiễn, có nhiều cách làm hay, sáng tạo, đạt hiệu quả cao trong lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện nhiệm vụ; xây dựng cấp uỷ, tổ chức đảng trong sạch, vững mạnh, cơ quan, đơn vị vững mạnh toàn diện.					

2.3	Nói đi đôi với làm, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm, dám đột phá vì lợi ích chung. Có khả năng phân tích, dự báo tình hình, phát hiện những khó khăn, bất cập, thời cơ, thuận lợi trong thực tiễn; đề xuất hoặc quyết định những giải pháp phù hợp, kịp thời, hiệu quả.					
2.4	Có khát vọng phấn đấu, cống hiến; có khả năng quy tụ và phát huy được sức mạnh của tập thể, cá nhân trong cơ quan, đơn vị và các cơ quan, đơn vị có liên quan.					
3	Về tự phê bình và phê bình, tự soi, tự sửa, khắc phục hạn chế, khuyết điểm					
3.1	Chủ động, nghiêm túc thực hiện tự phê bình và phê bình, có tinh thần cầu thị và tiếp thu phản biện, góp ý.					
3.2	Có kế hoạch rõ ràng và quyết liệt trong khắc phục hạn chế, khuyết điểm đã được chỉ ra.					
3.3	Kết quả khắc phục hoàn thành từ $\geq 80\%$ nội dung, có tiến bộ rõ, được tổ chức đánh giá tốt; không để tái diễn tồn tại.					
3.4	Tự soi, tự sửa trên tinh thần trách nhiệm chính trị cao, không né tránh, không đổ lỗi.					
Tổng (A) =						
B. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ ĐƯỢC GIAO (70 ĐIỂM)		Nhiệm vụ đề ra	Kết quả sản phẩm thực tế	Điểm KPI (%)	Điểm tối đa	Điểm đạt
1	0					
2	0					
3	Báo cáo và tổ chức hội nghị tổng kết 15 năm thực hiện nghị quyết 6b và chỉ thị 03 về công tác nữ (2010-2025) và các hội nghị sơ kết 6 tháng đầu năm 2026, sơ kết Nghị quyết 02, Chỉ thị 05 về học tập và làm theo tư tưởng phong cách HCM					
4	0					
5	0					

6	Công tác tuyên truyền, vận động					
7	Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát					
8	Thực hiện nhiệm vụ công tác Đảng theo lĩnh vực được phân công					
	Tổng điểm:					

Tổng điểm Quý II (A+B)

II. Tự đề xuất xếp loại mức chất lượng:

(Theo 04 mức: 1- Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, 2- Hoàn thành tốt nhiệm vụ, 3- Hoàn thành nhiệm vụ và 4- Không hoàn thành nhiệm vụ)

CÁ NHÂN TỰ ĐÁNH GIÁ

III. Nhận xét, đánh giá của cấp có thẩm quyền

- Chấm điểm:
- Đề xuất xếp loại:
- Mức độ đáp ứng đối với các mục tiêu, nhiệm vụ then chốt:

0
Hoàn thành tốt
Tốt

XÁC NHẬN CỦA ĐẢNG BỘ CƠ QUAN

BÍ THƯ

XÁC NHẬN CỦA CHI BỘ

BÍ THƯ